

Số: **907** /CHHVN-VTDVHH

Hà Nội, ngày **09** tháng 3 năm 2016

V/v Báo cáo thống kê theo quy định
tại Thông tư số 58/2014/TT-BGTVT
và Quyết định số 130/QĐ-CHHVN

Kính gửi:

- Các Cảng vụ hàng hải;
- Các Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, miền Nam;
- Các Công ty Hoa tiêu hàng hải;
- Các phòng: Kế hoạch đầu tư; Tài chính; Đăng ký tàu biển thuyền viên; Công trình hàng hải, An toàn an ninh hàng hải, Tổ chức cán bộ.

 HỎA TỐC →

Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư số 58/2014/TT-BGTVT ngày 27/10/2014 quy định Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp ngành giao thông vận tải; Ngày 12/02/2015, Cục Hàng hải Việt Nam ban hành Quyết định số 130/QĐ-CHHVN quy định về việc hướng dẫn chế độ báo cáo thống kê ngành hàng hải.

Để có số liệu tổng hợp báo cáo các cơ quan nhà nước đúng thời gian quy định và phục vụ công tác quản lý nhà nước chuyên ngành, Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị các cơ quan, đơn vị như sau:

I. Về chế độ báo cáo thống kê

1. Đối với Cảng vụ hàng hải: thực hiện báo cáo biểu mẫu (tại Phụ lục I kèm theo), gồm:

- Báo cáo tháng:
 - + Biểu mẫu 11-T (khối lượng hàng hoá, hành khách thông qua cảng biển);
 - + Biểu mẫu 12b-T (số lượt hàng hóa và lượt tàu thuyền thông qua cảng biển);
 - + Biểu mẫu 13b-T (khối lượng hàng hóa, hành khách vận chuyển bằng đội tàu biển Việt Nam);
 - + Biểu mẫu 15-T (khối lượng hàng hoá, hành khách tuyến vận tải từ bờ ra đảo);
 - + Biểu mẫu 17-T (hàng hoá thông qua cảng biển trong khu vực hàng hải); biểu mẫu 18-T (thu phí dịch vụ hàng hải);
 - + Biểu mẫu 28-T (tàu nước ngoài vận tải nội địa);

+ Biểu mẫu 30-T (tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Bộ GTVT trực tiếp quản lý);

+ Biểu mẫu 31-T (tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển ngoài ngân sách nhà nước);

- Báo cáo quý: biểu mẫu 20-Q (giá trị xuất khẩu dịch vụ hàng hải);

- Báo cáo chính thức năm:

+ Biểu mẫu 01-N (năng lực thông qua cảng biển do Trung ương quản lý);

+ Biểu mẫu 02-N (năng lực thông qua cảng biển do địa phương và doanh nghiệp quản lý);

+ Biểu mẫu 04-N (thống kê bến cảng, cầu cảng);

+ Biểu mẫu 05-N (thống kê khu nước, vùng nước);

+ Biểu mẫu 08-N (hệ thống quản lý hành hải tàu biển);

+ Biểu mẫu 09-N (hệ thống các đài thông tin duyên hải);

+ Biểu mẫu 10-N (hệ thống đê, kè chắn sóng, chắn cát);

+ Biểu mẫu 12-N (khối lượng hàng hoá, hành khách thông qua cảng biển);

+ Biểu mẫu 14-N (khối lượng hàng hoá, hành khách thông qua cảng biển bằng phương tiện thuỷ nội địa);

+ Biểu mẫu 16-N (khối lượng hàng hoá, hành khách tuyến vận tải từ bờ ra đảo);

+ Biểu mẫu 19-N (thu phí dịch vụ hàng hải);

+ Biểu mẫu 21-N (giá trị xuất khẩu dịch vụ hàng hải);

+ Biểu mẫu 23-N (số vụ tai nạn hàng hải, số người chết, bị thương, mất tích);

+ Biểu mẫu 35-N (danh sách doanh nghiệp cơ sở đóng mới, sửa chữa, phá dỡ tàu biển);

+ Biểu mẫu 37-N (danh sách doanh nghiệp cảng biển Việt Nam);

+ Biểu mẫu 38-N (danh sách doanh nghiệp hoạt động kinh doanh dịch vụ);

+ Biểu mẫu 41-N (báo cáo số lượng, chất lượng công chức, viên chức và người lao động);

+ Biểu mẫu 42-N (báo cáo danh sách và tiền lương công chức, viên chức và người lao động).

2. Đối với Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, miền Nam: thực hiện báo cáo biểu mẫu (tại Phụ lục II kèm theo), gồm:

- Báo cáo quý:

- + Biểu mẫu 06-Q (hệ thống đèn biển Việt Nam);
- + Biểu mẫu 07-Q (hệ thống đèn biển Việt Nam);
- Báo cáo chính thức năm:
- + Biểu mẫu 03-N (thống kê luồng hàng hải).

3. Đối với Công ty Hoa tiêu hàng hải: thực hiện báo cáo biểu mẫu (tại Phụ Lục III kèm theo)

- Báo cáo tháng: biểu mẫu 40-T (công ty hoa tiêu hàng hải) ;

4. Đối với các Phòng tham mưu :

4.1. *Phòng Kế hoạch và đầu tư*: tổng hợp các biểu mẫu (tại Phụ lục IV kèm theo), gồm:

- Báo cáo tháng:
 - + Biểu mẫu 11-T (khối lượng hàng hoá, hành khách thông qua cảng biển);
 - + Biểu mẫu 13b-T (khối lượng hàng hóa, hành khách vận chuyển bằng đội tàu biển Việt Nam);
 - + Biểu mẫu 17-T (hàng hoá thông qua cảng biển trong khu vực hàng hải);
 - + Biểu mẫu 30-T (tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Bộ GTVT trực tiếp quản lý);
 - + Biểu mẫu 31-T (tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển ngoài ngân sách nhà nước);
 - + Biểu mẫu 40-T (công ty hoa tiêu hàng hải).
- Báo cáo quý: biểu mẫu 07-Q (hệ thống phao tiêu, báo hiệu trên luồng);
- Báo cáo số liệu chính thức năm:
 - + Biểu mẫu 08-N (hệ thống quản lý hành hải tàu biển);
 - + Biểu mẫu 10-N (hệ thống đê, kè chắn sóng, chắn cát);
 - + Biểu mẫu 12-N (khối lượng hàng hoá, hành khách thông qua cảng biển);
 - + Biểu mẫu 29-N (tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản do Bộ GTVT trực tiếp quản lý);
 - + Biểu mẫu 32-N (tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển ngoài ngân sách nhà nước);
 - + Biểu mẫu 33-N (khối lượng chủ yếu xây dựng cơ bản hoàn thành);
 - + Biểu mẫu 34-N (danh mục công trình, dự án khởi công, hoàn thành trong năm).

4.2. *Phòng Công trình hàng hải*: tổng hợp các biểu mẫu (tại Phụ lục V kèm theo), gồm:

- Báo cáo quý: biểu mẫu 06-Q (hệ thống đèn biển Việt Nam);

- Báo cáo chính thức năm:
- + Biểu mẫu 01-N (năng lực thông qua cảng biển do Trung ương quản lý);
- + Biểu mẫu 02-N (năng lực thông qua cảng biển do địa phương và doanh nghiệp quản lý);
- + Biểu mẫu 03-N (thống kê luồng hàng hải);
- + Biểu mẫu 04-N (thống kê bến cảng, cầu cảng);
- + Biểu mẫu 05-N (thống kê khu nước, vùng nước); 37-N (danh sách doanh nghiệp cảng biển Việt Nam).

4.3. *Phòng Đăng ký tàu biển và thuyền viên*: tổng hợp các biểu mẫu (tại Phụ lục VI kèm theo), gồm:

- Báo cáo quý: biểu mẫu 24-Q (số lượng thuyền viên, hoa tiêu hàng hải);
- Báo cáo số liệu chính thức năm:
- + Biểu mẫu 25-N (số lượng tàu biển hiện đang lưu hành);
- + Biểu mẫu 36-N (danh sách doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải biển).

4.4. *Phòng An toàn an ninh hàng hải*: tổng hợp các biểu mẫu (tại Phụ lục VII kèm theo), gồm:

- Báo cáo chính thức năm: biểu mẫu 23-N (số vụ tai nạn hàng hải, số người chết, bị thương, mất tích).

4.5. *Phòng Tài chính*: tổng hợp các biểu mẫu (tại Phụ lục VIII kèm theo), gồm:

- Báo cáo tháng: biểu mẫu 18-T (thu phí dịch vụ hàng hải);
- Báo cáo quý: biểu mẫu 20-Q (giá trị xuất khẩu dịch vụ hàng hải);
- Báo cáo chính thức năm:
- + Biểu mẫu 19-N (thu phí dịch vụ hàng hải);
- + Biểu mẫu 21-N (giá trị xuất khẩu dịch vụ hàng hải).

4.6. *Phòng Tổ chức cán bộ*: tổng hợp các biểu mẫu (tại Phụ lục IX kèm theo), gồm:

- Báo cáo chính thức năm:
- + Biểu mẫu 39-N (danh sách các trường học, trung tâm, cơ sở đào tạo);
- + Biểu mẫu 41-N (báo cáo số lượng, chất lượng công chức);
- + Biểu mẫu 42-N (báo cáo danh sách và tiền lương công chức).

II. Tổ chức thực hiện

Để nâng cao năng lực thống kê, phân tích, đánh giá, dự báo nhu cầu vận tải biển trong và ngoài nước, kịp thời, thông suốt và hiệu quả nhằm cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin thống kê và phục vụ công tác báo cáo Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị như sau:

1. Đối với Báo cáo chính thức năm 2015: Theo quy định tại mục 6 của Thông tư 58/2014/TT-BGTVT, đề nghị các phòng tham mưu tổng hợp số liệu báo cáo số

liệu gửi bằng văn bản và gửi trực tiếp về Phòng Vận tải và dịch vụ vận tải bằng thư điện tử (email: dichvuvantai@vinamarine.gov.vn) trước (Thứ 6) ngày 11/3/2016 để tổng hợp báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với các báo cáo định kỳ:

- Lãnh đạo các Cảng vụ hàng hải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải, Công ty Hoa tiêu hàng hải, các phòng tham mưu quan tâm chỉ đạo, phân công cụ thể cán bộ phụ trách công tác thống kê, định kỳ hàng tháng, quý, năm gửi số liệu thống kê về các phòng chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 130/QĐ-CHHVN.

- Các Phòng định kỳ báo cáo tổng hợp số liệu gửi bằng văn bản và gửi trực tiếp bằng thư điện tử.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện có vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, đơn vị liên hệ theo địa chỉ: *Phòng Vận tải và dịch vụ hàng hải - Cục Hàng hải Việt Nam, số 8 Phạm Hùng, Cầu Giấy, Hà Nội; Chị Bùi Thị Nga: ĐT: 0973.523.696/04.37683198 - Fax: 04.37683058; email: thongkehanghai@vinamarine.gov.vn để phối hợp giải quyết.*

Cục Hàng hải Việt Nam đề nghị các cơ quan, đơn vị triển khai, thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT (để chỉ đạo);
- Phòng HIQT (đăng Website);
- Lưu: VT, VTDVHH.



Nguyễn Xuân Sang

PHỤ LỤC I

BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA CÁC CẢNG VỤ HÀNG HẢI

Biểu số 01-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng CTHH)

NĂNG LỰC THÔNG QUA CẢNG BIÊN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

Có đến 31 tháng 12 năm ...

TT	Danh mục cảng	Địa điểm (Tỉnh/TP trực thuộc TW)	Năng lực hàng hóa thông qua cảng (tấn/năm)		Năng lực tăng thêm
			Năm trước	Năm báo cáo	
A	B	C	1	2	3=2-1
1	- Cảng ...				
2	- Cảng ...				
3	- Cảng ...				
	...				

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

a) Năng lực hàng hóa thông qua cảng năm trước được xác định bằng năng lực hàng hóa thông qua cảng tại hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình tại thời điểm vào ngày 31/12 năm trước.

b) Năng lực hàng hóa thông qua cảng năm báo cáo được xác định tại hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình tại thời điểm 31/12 năm báo cáo.

Biểu số 02-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng CTHH)

**NĂNG LỰC THÔNG QUA CẢNG BIỂN ĐỊA PHƯƠNG
VÀ DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ**
Có đến 31 tháng 12 năm ...

TT	Danh mục cảng	Địa điểm (Tỉnh/TP trực thuộc TW)	Năng lực hàng hóa thông qua cảng (tấn/năm)		Năng lực tăng thêm
			Năm trước	Năm báo cáo	
A	B	C	1	2	3=2-1
A	Cảng do địa phương quản lý				
1	- Cảng ...				
2	- Cảng ...				
3	- Cảng ...				
	...				
B	Cảng do doanh nghiệp quản lý (cảng chuyên dùng)				
1	- Cảng ...				
2	- Cảng ...				
3	- Cảng ...				
	...				

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- a) Năng lực hàng hóa thông qua cảng năm trước được xác định bằng năng lực hàng hóa thông qua cảng tại hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình tại thời điểm 31/12 năm trước.
b) Năng lực hàng hóa thông qua cảng năm báo cáo được xác định tại hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình tại thời điểm 31/12 năm báo cáo.

Biểu số 04-N

Ngày nhận báo cáo: Ngày 01 tháng 3 năm sau:

Đơn vị báo cáo: Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhân báo cáo: Cục HHVN (Phòng CTHH)

THỐNG KÊ BÊN CẢNG, CẦU CẢNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cầu cảng Container	Cầu cảng tổng hợp (bách hoá)	Cầu cảng chuyên dùng hàng rời, quặng	Cầu cảng chuyên dùng xăng dầu, khí hoá lỏng	Cầu cảng chuyên dùng khác (dịch vụ, đóng, sửa chữa tàu...)	Cầu cảng hành khách	Tổng số	Ghi chú
1	Số lượng cầu cảng hiện có	Cầu								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
2	Số lượng cầu cảng tăng thêm	Cầu								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
3	Chiều dài cầu cảng hiện có	M								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
4	Chiều dài cầu cảng tăng thêm	M								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
5	Năng lực thông qua hiện có	T/năm								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
6	Năng lực thông qua tăng thêm	T/năm								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
7	Số lượng thiết bị	Th/ bị								
	Loại hình sở hữu nhà nước (số lượng/sức nâng, sức chở)									
	Loại hình sở hữu tư nhân (số lượng/sức nâng, sức chở)									
	Loại hình sở hữu khác (số lượng/sức nâng, sức chở)									

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 05-N

Ngày nhận báo cáo: Ngày 01 tháng 3 năm sau:

Đơn vị báo cáo: Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo: Cục HHHVN (Phòng CTHH)

THỐNG KÊ KHU NƯỚC, VÙNG NƯỚC

Năm.....

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Khu chuyển tải có phao neo	Khu chuyển tải không có phao neo	Khu neo đậu	Khu tránh bão	Tổng số	Ghi chú
1	Số lượng khu nước, vùng nước hiện có	Khu						
	Loại hình sở hữu nhà nước							
	Loại hình sở hữu tư nhân							
	Loại hình sở hữu khác							
2	Số lượng khu nước vùng nước tăng thêm	Khu						
	Loại hình sở hữu nhà nước							
	Loại hình sở hữu tư nhân							
	Loại hình sở hữu khác							

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 08-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Công ty điện tử hàng hải, Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

THÔNG KÊ VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ HÀNH HẢI TÀU BIỂN (VTS)

Năm

STT	Trung tâm VTS				Trạm AIS				Ghi chú
	Tên	Vị trí	Vùng phủ sóng	Phương thức hoạt động	Tên	Vị trí	Vùng phủ sóng	Phương thức hoạt động	

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 10-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

THÔNG KÊ VỀ HỆ THỐNG ĐÊ, KÈ CHẤN CÁT, CHẤN SÓNG

Năm.....

STT	Loại công trình	Vị trí	Các thông số chính			Đơn vị quản lý
			Chiều dài	Chiều cao	Cao trình đỉnh	

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 11-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA, HÀNH KHÁCH THÔNG QUA CẢNG BIỂN

Tháng ...

STT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So với cùng kỳ năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
A	Hàng hóa								
	Tổng số	1000 tấn							
	- Hàng xuất khẩu								
	- Hàng nhập khẩu								
	- Hàng nội địa								
	- Hàng quá cảnh								
	<i>Chia ra:</i>								
1	Container	1000 tấn							
		1000 TEUs							
	Xuất khẩu	1000 tấn							
		1000 TEUs							
	Nhập khẩu	1000 tấn							
		1000 TEUs							
	Nội địa	1000 tấn							
		1000 TEUs							
2	Hàng lỏng	1000 tấn							
	Xuất khẩu								
	Nhập khẩu								
	Nội địa								
3	Hàng khô, tổng hợp	1000 tấn							
	Xuất khẩu								
	Nhập khẩu								
	Nội địa								
4	Hàng quá cảnh	1000 tấn							
B	Hành khách								
1	Hành khách vận chuyển bằng đội tàu VN	Lượt người							
2	Hành khách vận chuyển bằng đội tàu nước ngoài	Lượt người							
C	LƯỢT TÀU RA, VÀO								
1	Tàu biển nước ngoài								
		GT							
	- Hoạt động nội địa								
	- Hoạt động XNK								
2	Tàu biển Việt Nam								
		GT							

	- Hoạt động nội địa								
	- Hoạt động XNK								
3	Tàu khách								
	- Tàu Việt Nam								
	- Tàu nước ngoài								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- a) Cột 4= cột 2 + cột 3
- b) Cột 5: ghi số chính thức thực hiện từ đầu năm đến hết tháng báo cáo của năm trước. Ví dụ báo cáo tháng 7/2014 thì cột 5 ghi số liệu lũy kế 7 tháng đầu năm 2014

Biểu số 12 b-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 5 đầu tháng sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTDVHH)

SẢN LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ SỐ LƯỢT TÀU THUYỀN THÔNG QUA CẢNG BIỂN

Tháng.....

STT Chi tiêu	Đơn vị	Thực hiện tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước	Thực hiện so với cùng kỳ (%)
1	2	3	4	5=3/4	6	7	8=6/7
I. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu thuyền thông qua cảng							
1.1. Sản lượng hàng hóa và số lượt tàu biển thông qua							
1.1.1. Tổng số lượt tàu biển		lượt					
1.1.1.1. Tàu ngoại		lượt					
1.1.1.2. Tàu nội		lượt					
Trong đó	+ Tàu xuất nhập cảnh	lượt					
	+ Tàu chạy tuyến nội địa	lượt					
1.1.2. Hàng hóa thông qua cảng		tấn					
Trong đó	+ Xuất khẩu	tấn					
	+ Nhập khẩu	tấn					
	+ Nội địa	tấn					
	+ container	teu					
	+ container	tấn					
	+ Hàng lỏng	tấn					
+ Hàng kho	tấn						
1.2. Sản lượng hàng hóa và số lượt phương tiện thủy nội địa (PTTND) thông qua							
1.2.1. Tổng số PTTND		chiếc					
Trong đó tổng số PTTND đăng ký SB		chiếc					
1.2.2. Tổng số tấn PTTND		tấn					
Trong đó tổng số PTTND SB vận tải ven biển		tấn					
1.2.3. Hàng hóa thông qua bằng PTTND		tấn					

Trong đó	+ Hàng khô	tấn					
	+ Hàng lỏng	tấn					
1.3. Tổng sản lượng hàng hóa thông qua khu vực cảng biển							
Tổng hàng hóa thông qua cảng		tấn					
Trong đó	Hàng hóa thông qua cảng băng đường biển	tấn					
	Hàng hóa thông qua cảng băng phương tiện thủy nội địa	tấn					
II. Tàu thuyền và sản lượng hàng hóa chuyên tải							
2.1. Sản lượng hàng hóa thông qua khu		tấn					
Trong đó	Khu	tấn					
	tấn					
2.2. Lướt tàu thuyền thông qua khu		tấn					
Trong đó	Khu	tấn					
	tấn					
II. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng do Vinalines quản lý							
Cảng.....		Triệu tấn					
Cảng.....		Triệu tấn					
.....		Triệu tấn					
III. Hàng hóa quá cảnh							
Tổng số lượng hàng hóa quá cảnh		Tấn					

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 12-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHDT)

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA, HÀNH KHÁCH THÔNG QUA CẢNG BIỂN

Năm ...

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện năm báo cáo	Thực hiện năm trước	So với năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4=2/3	5=2/1
A	Hàng hóa						
	Tổng số	1000 tấn					
	- Hàng xuất khẩu						
	- Hàng nhập khẩu						
	- Hàng nội địa						
	- Hàng quá cảnh						
	<i>Chia ra:</i>						
1	Container	1000 tấn					
		1000 TEUs					
	Xuất khẩu	1000 tấn					
		1000 TEUs					
	Nhập khẩu	1000 tấn					
		1000 TEUs					
	Nội địa	1000 tấn					
		1000 TEUs					
2	Hàng lỏng	1000 tấn					
	Xuất khẩu						
	Nhập khẩu						
	Nội địa						
3	Hàng khô	1000 tấn					
	Xuất khẩu						
	Nhập khẩu						
	Nội địa						
4	Hàng quá cảnh	1000 tấn					
B	Hành khách						
1	Hành khách vận chuyển bằng tàu VN	Lượt người					
2	Hành khách vận chuyển bằng tàu nước ngoài	Lượt người					
C	LƯỢT TÀU RA, VÀO						
1	Tàu biển nước ngoài						
		GT					
	- Hoạt động nội địa						

	- Hoạt động XNK						
		GT					
2	Tàu biển Việt Nam						
	- Hoạt động nội địa						
	- Hoạt động XNK						
3	Tàu khách						
	- Tàu Việt Nam						
	- Tàu nước ngoài						

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 13-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTDVHH)

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ, HÀNH KHÁCH THÔNG QUA CẢNG BIỂN
BẰNG PHƯƠNG TIỆN THUYỀN NỘI ĐỊA**

Tháng.....

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So với cùng kỳ năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
A	HÀNG HOÁ								
1	Container	1000 tấn							
	- Trong đó tàu VR-SB								
2	Hàng lỏng	1000 tấn							
	- Trong đó tàu VR-SB								
3	Hàng khô, tổng hợp	1000 tấn							
	- Trong đó tàu VR-SB								
4	Hàng quá cảnh	1000 tấn							
	- Trong đó tàu VR-SB								
B	HÀNH KHÁC								
1	Hành khách vận chuyển bằng đội tàu VN	Lượt người							
	- Trong đó tàu VR-SB								
C	LƯỢT TÀU RA, VÀO								
1	Tàu hàng								
	- Trong đó tàu VR-SB								
2	Tàu khách								
	- Trong đó tàu VR-SB								
3	Tàu kéo								
	- Trong đó tàu VR-SB								
4	Sàn lan								
	- Trong đó tàu VR-SB								

5	Tàu công trình								
	- Trong đó tàu VR-SB								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 13b-T
Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:
 Cảng vụ hàng hải
Đơn vị nhận báo cáo:
 Cục HHVN (Phòng KHĐT; VTDVHH)

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA, HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN BẰNG ĐỘI TÀU BIÊN VIỆT NAM

Tháng.....

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)
A	B	C	1	2	3=1+2	4	5=3/4
I	Hàng hóa vận chuyên bằng đội tàu biển Việt Nam						
	Tổng số	Tấn					
	Hàng xuất khẩu	tấn					
	Hàng nhập khẩu	tấn					
	Hàng nội địa	tấn					
	Chia ra						
1	Hàng container	Teus/Tấn					
2	Hàng lỏng, ga...	Tấn					
3	Hàng khô, bách hóa	Tấn					
II	Hành khách	Lượt					

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm...
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú: Các chỉ tiêu trong biểu mẫu này là hàng hóa và hành khách vận chuyển được của đội tàu biển Việt Nam (không tính đến khối lượng hàng hóa và hành khách vận chuyển bằng phương tiện thủy nội địa và tàu nước ngoài).

Biểu số 14-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTDVHH)

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ, HÀNH KHÁCH THÔNG QUA CẢNG BIỂN
BẰNG PHƯƠNG TIỆN THUỶ NỘI ĐỊA
Năm**

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện năm báo cáo	Thực hiện năm trước	So với năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4=2/3	5=2/1
A	HÀNG HOÁ						
1	Container	1000 tấn					
	- Trong đó tàu VR-SB						
2	Hàng lỏng	1000 tấn					
	- Trong đó tàu VR-SB						
3	Hàng khô, tổng hợp	1000 tấn					
	- Trong đó tàu VR-SB						
4	Hàng quá cánh	1000 tấn					
	- Trong đó tàu VR-SB						
B	HÀNH KHÁCH						
1	Hành khách vận chuyển bằng đội tàu VN	Lượt người					
	- Trong đó tàu VR-SB						
C	LƯỢT TÀU RA, VÀO						
1	Tàu hàng						
	- Trong đó tàu VR-SB						
2	Tàu khách						
	- Trong đó tàu VR-SB						
3	Tàu kéo						
	- Trong đó tàu VR-SB						
4	Sàn lan						
	- Trong đó tàu VR-SB						
5	Tàu công trình						
	- Trong đó tàu VR-SB						

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 15-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTDVHH)

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ, HÀNH KHÁCH CHO
TUYÊN VẬN TẢI TỪ BỜ RA ĐẢO**

Tháng.....

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So với cùng kỳ năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
A	HÀNG HOÁ								
1	Container	1000 tấn							
2	Hàng lỏng	1000 tấn							
3	Hàng khô, tổng hợp	1000 tấn							
4	Hàng quá cảnh	1000 tấn							
B	HÀNH KHÁC								
1	Hành khách vận chuyển bằng đội tàu VN	Lượt người							
C	LUỘT TÀU RA, VÀO								
1	Tàu hàng								
2	Tàu khách								
3	Tàu kéo								
4	Sàn lan								
5	Tàu công trình								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 16-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTDVHH)

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ, HÀNH KHÁCH CHO
TUYÊN VẬN TẢI TỪ BỜ RA ĐÀO
Năm**

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện năm báo cáo	Thực hiện năm trước	So với năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4=2/3	5=2/1
A	HÀNG HOÁ						
1	Container	1000 tấn					
2	Hàng lỏng	1000 tấn					
3	Hàng khô, tổng hợp	1000 tấn					
4	Hàng quá cảnh	1000 tấn					
B	HÀNH KHÁCH						
1	Hành khách vận chuyển bằng đội tàu VN	Luợt người					
C	LUẬT TÀU RA, VÀO						
1	Tàu hàng						
2	Tàu khách						
3	Tàu kéo						
4	Sàn lan						
5	Tàu công trình						

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 17-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT, VTDVHH)

HÀNG HOÁ THÔNG QUA CÁC CẢNG BIỂN TRONG KHU VỰC HÀNG HẢI
Tháng

STT	Tên cảng	Container		Hàng khô		Hàng lỏng		Hàng quá cảnh	
		Tháng ...	Luỹ kế đến tháng b/cáo	Tháng ...	Luỹ kế đến tháng b/cáo	Tháng ...	Luỹ kế đến tháng b/cáo	Tháng ...	Luỹ kế đến tháng b/cáo
	Cảng								
	Cảng.....								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 18-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải, VP Cục, các chi cục

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng Tài chính)

THU PHÍ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Tháng ...

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	So với cùng kỳ (%)	
					Tháng báo cáo năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước
A	1	2	3	4	5	6
Tổng trị giá						
A. Chia theo loại dịch vụ						
1. Thu dịch vụ bảo đảm hàng hải						
2. Thu dịch vụ cảng biển						

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 19-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải, VP Cục, các chi cục

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng Tài chính)

THU PHÍ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Năm ...

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Kế hoạch. Năm	Thực hiện năm	So với năm trước (%)
A	1	2	3
Tổng trị giá			
Chia theo loại dịch vụ			
1. Thu dịch vụ bảo đảm hàng hải			
2. Thu dịch vụ cảng biển			

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 20-Q

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 15 tháng cuối quý

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải, VP cục, các chi cục

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng Tài chính)

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU DỊCH VỤ HÀNG HẢI
Quý ...

Đơn vị tính: USD

	Kế hoạch năm	Thực hiện quý trước	Ước thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến hết quý báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
					Quý báo cáo năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý báo cáo năm trước
A	1	2	3	4	5	6
Tổng trị giá						
A. Chia theo loại dịch vụ						
1. Thu dịch vụ bảo đảm hàng hải						
2. Thu dịch vụ cảng biển						

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)..., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm thống kê: là thời điểm dịch vụ được cung cấp cho tàu Việt Nam, tàu nước ngoài.
- Trị giá xuất khẩu được xác định theo giá thực tế theo các quy định của pháp luật, không tính các giao dịch bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ, trong đó hàng hóa chiếm tỷ trọng chủ yếu.
- Trị giá xuất khẩu là tổng số tiền đã và sẽ thu của các tàu mang cờ quốc tịch nước ngoài về dịch vụ hàng hải và dịch vụ cảng biển.
- Nước đối tác: là vùng nước/vùng lãnh thổ mà tàu nước ngoài mang cờ quốc tịch.

Biểu số 21-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải, VP cục, các chi cục

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng Tài chính)

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Năm ...

Đơn vị tính: USD

	Kế hoạch năm	Thực hiện năm	So với năm trước (%)
A	1	2	3
Tổng trị giá			
A. Chia theo loại dịch vụ			
1. Thu dịch vụ bảo đảm hàng hải			
<i>(Chia theo nước đối tác)</i>			
....			
2. Thu dịch vụ cảng biển			
<i>(Chia theo nước đối tác)</i>			
....			

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày tháng năm

(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Thời điểm thống kê: là thời điểm dịch vụ được cung cấp cho tàu Việt Nam, tàu nước ngoài.
- Trị giá xuất khẩu được xác định theo giá thực tế theo các quy định của pháp luật, không tính: các giao dịch bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ, trong đó hàng hóa chiếm tỷ trọng chủ yếu.
- Trị giá xuất khẩu là tổng số tiền đã và sẽ thu của các tàu mang cờ quốc tịch nước ngoài về dịch vụ hàng hải và dịch vụ cảng biển.
- Nước đối tác: là vùng nước/vùng lãnh thổ mà tàu nước ngoài mang cờ quốc tịch.

Biểu số 23-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng ANANHH)

SỐ VỤ TAI TAI NẠN HÀNG HẢI, SỐ NGƯỜI CHẾT, BỊ THƯƠNG

6 tháng, 01 năm

Phân loại tai nạn	Số vụ tai nạn				Số người chết	Số người mất tích	Số người bị thương	Tổn thất vật chất
	Đặc biệt nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Ít Nghiêm trọng	Cộng				
1	2	3	4	5	6	7	8	
Tổng số								
I Trong đó chia ra								
- Tàu trong nước								a) Phương tiện, công trình GTVT
- Tàu nước ngoài								
II Trong đó chia ra								
- Mất tích								b) Hàng hoá
- Đâm va								
- Va chạm								
- Mắc cạn								
- Cháy								c) Chi phí sửa chữa
- Nổ								
- Thủng vỏ								
- Tràn dầu								d) Môi trường
- Lật tàu								
- Chìm đắm								
- Tai nạn khác								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 28-T

Ngày nhận báo cáo:
Ngày 10 tháng sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTDVHH)

THÔNG KÊ TÀU NƯỚC NGOÀI VẬN TẢI NỘI ĐỊA

Tháng

TT	Tên tàu	Quốc tịch	Loại tàu	DWT	Ngày đến	Ngày rời	Cảng trước	Cảng tiếp theo	Số giấy phép

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng)

Biểu số 35-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTDVHH)

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP CƠ SỞ ĐÓNG MỚI, SỬA CHỮA, PHÁ DỠ TÀU BIỂN

Năm.....

STT	Tên doanh nghiệp	Loại hình doanh nghiệp	Địa chỉ, điện thoại	Loại tàu và cỡ tàu lớn nhất có thể thực hiện						Diện tích nhà xưởng	Số lượng triển đả
				Đóng mới		Sửa chữa		Phá dỡ			
				Loại tàu	Cỡ tàu	Loại tàu	Cỡ tàu	Loại tàu	Cỡ tàu		
1											
2											
3											
4											

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm.....
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 38-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng VTĐVHH)

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ

Năm.....

STT	Tên doanh nghiệp	Loại hình doanh nghiệp	Địa chỉ/điện thoại	Loại hình dịch vụ đăng ký hoạt động kinh doanh					Số lượt tàu phục vụ
				Đại lý tàu biển	Lai dắt tàu biển	Sửa chữa tàu biển tại cảng	Dịch vụ logistics	Dịch vụ đa phương thức	

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 39-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Các Trường, cơ quan đơn vị liên quan

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng TCCB)

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỌC, TRUNG TÂM, CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Năm.....

STT	Tên trường, cơ sở đào tạo	Loại hình trường	Loại hình sở hữu	Địa chỉ/điện thoại	Hình thức đào tạo (đơn vị người)					Ghi chú
					Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Nghề	

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

Loại hình trường: Đại học, cao đẳng, trung cấp...

Loại hình sở hữu: Nhà nước, Tư thực.....

Hình thức đào tạo: Ghi số lượng người tốt nghiệp trong năm báo cáo tương ứng với mỗi hình thức đào tạo

Biểu số 41-N
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:
 Các đơn vị trực thuộc
Đơn vị nhân báo cáo:
 Cục HHVN (Phòng TCCB)

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
 Năm.....

Số thứ tự	Tên đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số công chức hiện có	Trong đó				Chia theo ngành công chức				Trình độ đào tạo chia theo										Chia theo độ tuổi																	
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Chuyên môn					Chính trị			Tin học		Ngoại ngữ			Quản lý nhà nước			Từ 51 đến 60										
													Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Tiếng Anh	Khác	Chứng chỉ tiếng dân tộc	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Tổng số	Nữ từ 51 đến 55	Nam từ 56 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu		
																																						Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38
Công Chức																																							
Công chức Thanh tra																																							
Viên chức, người lao động																																							

Người lập báo cáo
 (Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
 (Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- a) Cột 24: Ghi những người có trình độ Tiếng Anh bậc Đại học, trên ĐH ở nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc có bằng ĐH trên ĐH học ở VN bằng Tiếng Anh
- b) Việc xác định đối tượng là công chức trong các đơn vị sự nghiệp, đề nghị căn cứ Khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 quy định những người là công chức

Biểu số 42-N
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:
 Các đơn vị trực thuộc
Đơn vị nhận báo cáo:
 Cục HHVN (Phòng TCCB)

BÁO CÁO DANH SÁCH VÀ TIỀN LƯƠNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
 Năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Phụ cấp					Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	Mã số ngạch hiện giữ	Chức vụ	Trách nhiệm	Khu vực	Phụ cấp vượt khung	Tổng phụ cấp theo phần trăm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

Người lập báo cáo
 (Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
 (Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- a) Cột 14: Tổng phụ cấp theo phần trăm là tổng các khoản phụ cấp của cột 10, 11, 12 và 13.
- b) Việc xác định đối tượng là công chức trong các đơn vị sự nghiệp, đề nghị căn cứ Khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 quy định những người là công chức.

PHỤ LỤC II
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TỔNG CÔNG TY ĐẢM BẢO HÀNG HẢI

Biểu số 03-N
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:
Tổng công ty ĐBATHH, Đơn vị quản lý luồng
Đơn vị nhân báo cáo:
Cục HHVN (Phòng CTHH)

THÔNG KÊ LUỒNG HÀNG HẢI
Năm.....

TT	Tên luồng	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Cao độ đáy (m- so với "O" Hải đồ)		Khối lượng nạo vét hàng năm (m ³)	Loại luồng (Công cộng/ chuyên dùng)	Đơn vị quản lý
				Theo Thiết kế	Theo thông báo hàng hải tại kỳ báo cáo			

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 06-Q

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 10 tháng sau Quý báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Tổng Công ty BĐAT HHI Miền Bắc/Nam

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

THÔNG KÊ VỀ HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN VIỆT NAM

Quý.....

STT	Tên đèn biển (tiêu)	Chiều cao đèn		Tầm hiệu lực (Hải lý)		Trang bị đèn		Ghi chú
		Tháp đèn (m)	Tầm sáng (hải đồ)	Địa lý	Ánh sáng	Đèn chính	Đèn dự phòng	
1	Đèn loại 1							
1.1	...							
...	...							
2	Đèn loại 2							
1.1	...							
...	...							
3	Đèn loại 3							
1.1	...							

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng...năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số: 07-Q

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 10 tháng sau Quý báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Tổng Công ty ĐĐT Miền Bắc/Nam

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHD1)

THÔNG KÊ VỀ HỆ THỐNG PHAO TIÊU, BẢO HIỆU TRÊN LUỒNG

Quý

STT	Tên luồng	Bảo hiệu nổi					Bảo hiệu cố định							
		Phao BHHH		TB đèn		Thiết bị khác	Số lượng			Chủng loại	TB đèn		Thiết bị khác	
		Chủng loại	SL	Chủng loại	SL		Tiêu	Chập	Cộng		Chủng loại	Số lượng		
												Tiêu		Chập
1														
2														
3														
	TỔNG CỘNG													

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC III
BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI

Biểu số 40-T
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 10 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:
Công ty hoa tiêu khu vực
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục HHVN (Phòng KHĐT)

CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI
Tháng.....

STT	Tên Công ty hoa tiêu	Thực hiện tháng				Cộng dồn năm			
		Phí Hoa tiêu		Lượt tàu		Phí Hoa tiêu		Lượt tàu	
		Tàu nội	Tàu ngoại	Tàu nội	Tàu ngoại	Tàu nội	Tàu ngoại	Tàu nội	Tàu ngoại

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC IV

BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ PHÒNG KÊ HOẠCH ĐẦU TƯ

Biểu số: 07-Q

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 10 tháng sau Quý báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Tổng Công ty ĐĐT Miền Bắc/Nam

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG PHAO TIÊU, BÁO HIỆU TRÊN LUỒNG

Quý

STT	Tên luồng	Báo hiệu nổi					Báo hiệu cố định						
		Phao BHHH		TB đèn		Thiết bị khác	Số lượng			Chủng loại	TB đèn		Thiết bị khác
		Chủng loại	SL	Chủng loại	SL		Tiêu	Chập	Cộng		Chủng loại	Số lượng	
										Tiêu	Chập		
1													
2													
3													
	TỔNG CỘNG												

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 08-N
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:
Công ty điện tử hàng hải, Cảng vụ hàng hải
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục HHVN (Phòng KHĐT)

THÔNG KÊ VỀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ HÀNG HẢI TÀU BIỂN (VTS)
Năm

STT	Trung tâm VTS				Trạm AIS				Ghi chú
	Tên	Vị trí	Vùng phủ sóng	Phương thức hoạt động	Tên	Vị trí	Vùng phủ sóng	Phương thức hoạt động	

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 09-N
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:
Công ty điện tử hàng hải
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục HHVN (Phòng KHĐT)

HỆ THỐNG CÁC ĐÀI THÔNG TIN DUYÊN HẢI
Năm

STT	Hệ thống đài thông tin duyên hải				Trạm ra đa				Ghi chú
	Tên	Vị trí	Vùng phủ sóng	Phương thức	Tên	Vị trí	Vùng phủ sóng	Phương thức hoạt động	

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 10-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

THỐNG KÊ VỀ HỆ THỐNG ĐÊ, KÈ CHẴN CÁT, CHẴN SÓNG

Năm.....

STT	Loại công trình	Vị trí	Các thông số chính			Đơn vị quản lý
			Chiều dài	Chiều cao	Cao trình đỉnh	

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 11-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA, HÀNH KHÁCH THÔNG QUA CẢNG BIỂN
Tháng ...

STT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Khối lượng hàng hóa thông qua cảng					
				Từ đầu năm đến hết tháng trước	Thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So với cùng kỳ năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4	5	6=4/5	7=4/1
A	Hàng hóa								
	Tổng số	1000 tấn							
	- Hàng xuất khẩu								
	- Hàng nhập khẩu								
	- Hàng nội địa								
	- Hàng quá cảnh								
	<i>Chia ra:</i>								
1	Container	1000 tấn							
		1000 TEUs							
	Xuất khẩu	1000 tấn							
		1000 TEUs							
	Nhập khẩu	1000 tấn							
		1000 TEUs							
	Nội địa	1000 tấn							
		1000 TEUs							
2	Hàng lỏng	1000 tấn							
	Xuất khẩu								
	Nhập khẩu								
	Nội địa								
3	Hàng khô, tổng hợp	1000 tấn							
	Xuất khẩu								
	Nhập khẩu								
	Nội địa								
4	Hàng quá cảnh	1000 tấn							
B	Hành khách								
1	Hành khách vận chuyển bằng đội tàu VN	Lượt người							
2	Hành khách vận chuyển bằng đội tàu nước ngoài	Lượt người							
C	LUỢT TÀU RA, VÀO								
1	Tàu biển nước ngoài								
		GT							
	- Hoạt động nội địa								
	- Hoạt động XNK								
2	Tàu biển Việt Nam								
		GT							

	- Hoạt động nội địa								
	- Hoạt động XNK								
3	Tàu khách								
	- Tàu Việt Nam								
	- Tàu nước ngoài								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- a) Cột 4= cột 2 + cột 3
- b) Cột 5: ghi số chính thức thực hiện từ đầu năm đến hết tháng báo cáo của năm trước. Ví dụ báo cáo tháng 7/2014 thì cột 5 ghi số liệu lũy kế 7 tháng đầu năm 201

Biểu số 12-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA, HÀNH KHÁCH THÔNG QUA CẢNG BIỂN
Năm ...

TT	Danh mục loại hàng	Đơn vị tính	Kế hoạch năm	Thực hiện năm báo cáo	Thực hiện năm trước	So với năm trước (%)	So với kế hoạch năm (%)
A	B	C	1	2	3	4=2/3	5=2/1
A	Hàng hóa						
	Tổng số	1000 tấn					
	- Hàng xuất khẩu						
	- Hàng nhập khẩu						
	- Hàng nội địa						
	- Hàng quá cảnh						
	<i>Chia ra:</i>						
1	Container	1000 tấn					
		1000 TEUs					
	Xuất khẩu	1000 tấn					
		1000 TEUs					
	Nhập khẩu	1000 tấn					
		1000 TEUs					
	Nội địa	1000 tấn					
		1000 TEUs					
2	Hàng lỏng	1000 tấn					
	Xuất khẩu						
	Nhập khẩu						
	Nội địa						
3	Hàng khô	1000 tấn					
	Xuất khẩu						
	Nhập khẩu						
	Nội địa						
4	Hàng quá cảnh	1000 tấn					
B	Hành khách						
1	Hành khách vận chuyển bằng tàu VN	Lượt người					

2	Hành khách vận chuyển bằng tàu nước ngoài	Lượt người					
C	LƯỢT TÀU RA, VÀO						
1	Tàu biên nước ngoài						
		GT					
	- Hoạt động nội địa						
	- Hoạt động XNK						
		GT					
2	Tàu biển Việt Nam						
	- Hoạt động nội địa						
	- Hoạt động XNK						
3	Tàu khách						
	- Tàu Việt Nam						
	- Tàu nước ngoài						

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 13b-T
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:
Cảng vụ hàng hải
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục HHVN (Phòng KHĐT; VTDVHH)

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA, HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN BẰNG ĐỘI TÀU BIỂN
VIỆT NAM**

Tháng.....

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Từ đầu năm đến tháng báo cáo	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	Lũy kế cùng kỳ năm trước	So sánh cùng kỳ năm trước (%)
A	B	C	1	2	3=1+2	4	5=3/4
I	Hàng hóa vận chuyển bằng đội tàu biển Việt Nam						
	Tổng số	Tấn					
	Hàng xuất khẩu	tấn					
	Hàng nhập khẩu	tấn					
	Hàng nội địa	tấn					
	Chia ra						
1	Hàng container	Teus/Tấn					
2	Hàng lỏng, ga...	Tấn					
3	Hàng khô, bách hóa	Tấn					
II	Hành khách	Lượt					

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng....năm...
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 17-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT, VTDVHH)

HÀNG HOÁ THÔNG QUA CÁC CẢNG BIỂN TRONG KHU VỰC HÀNG HẢI
Tháng

STT	Tên cảng	Container		Hàng khô		Hàng lỏng		Hàng quá cảnh	
		Tháng ...	Lũy kế đến tháng b/cáo	Tháng ...	Lũy kế đến tháng b/cáo	Tháng ...	Lũy kế đến tháng b/cáo	Tháng ...	Lũy kế đến tháng b/cáo
	Cảng								
	Cảng.....								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 29-N
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:
 Các BQLDA, các đơn vị có dự án
Đơn vị nhận báo cáo:
 Cục HHVN (Phòng KHDT)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
 DO BỘ GIAO THÔNG TRỰC TIẾP QUẢN LÝ**
 Năm

STT	Danh mục	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Tổng dự toán	Hạn mức vay (dự án vay tín dụng ưu đãi)	Năm khởi công thực tế	Kế hoạch năm	Thực hiện		Giải ngân				Năm hoàn thành thực tế	
								Từ đầu dự án đến hết năm trước	Năm báo cáo	Đã giải ngân từ đầu dự án đến hết năm trước	Năm báo cáo		Năm hoàn thành thực tế		
											Tổng số	Trong đó			
												Phân thanh toán KLHT			Phản ứng hợp đồng
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
A	Vốn ODA														
1	Dự án....														
	- Vốn nước ngoài														
	- Vốn đối ứng														
2	Dự án														
B	Vốn NSNN														
1	Dự án														
2														
C	Vốn TPCP														
1	Dự án														
2														
D	Vốn khác (ghi rõ nguồn vốn)														
1	Dự án....														
2														

Người lập báo cáo
 (Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
 (Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- a) Số kế hoạch ghi theo văn bản giao kế hoạch của cấp có thẩm quyền
- b) Số giải ngân từ đầu dự án đến hết năm trước: tính đến 31/01 năm báo cáo, không bao gồm: số giải ngân vốn ứng trước kế hoạch năm báo cáo và số giải ngân kế hoạch năm báo cáo đã được thực hiện trong tháng 01 năm đó.

Biểu số 30-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 10 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Các BQLDA, các đơn vị có dự án

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHDT)

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN
DO BỘ GIAO THÔNG TRỰC TIẾP QUẢN LÝ**

Tháng

STT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Tổng dự toán	Hạn mức vay (dự án vay tín dụng ưu đãi)	Kế hoạch năm	Thực hiện			Giải ngân							
						Tổng số từ đầu dự án đến hết năm trước	Năm báo cáo		Đã giải ngân từ đầu dự án đến hết năm trước	Giải ngân kế hoạch năm báo cáo						
							Ước tháng báo cáo	Ước từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		Đã giải ngân từ đầu năm đến hết tháng trước			Tháng báo cáo			
										Tổng số	Trong đó		Tổng số	Đã giải ngân từ đầu tháng báo cáo đến ngày báo cáo	Ước giải ngân từ ngày báo cáo đến hết tháng báo cáo	
	Phân thanh toán KLHT	Phản ứng Hợp đồng		Đã có phiếu thanh toán	Chưa có phiếu thanh toán											
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	Vốn ODA															
1	Dự án....															
	- Vốn nước ngoài															
	- Vốn đối ứng															
B	Vốn NSNN															
1	Dự án															
C	Vốn TPCP															
1	Dự án															
D	Vốn khác (ghi rõ nguồn vốn)															
1	Dự án....															

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

a) Số kế hoạch ghi theo văn bản giao kế hoạch của cấp có thẩm quyền

b) Số giải ngân từ đầu dự án đến hết năm trước: tính đến 31/01 năm báo cáo, không bao gồm: số giải ngân vốn ứng trước kế hoạch năm báo cáo và số giải ngân kế hoạch năm báo cáo đã được thực hiện trong tháng 01 năm đó.

Biểu số 31-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 10 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Các BQLDA, các đơn vị có dự án

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Tháng

Danh mục	Kế hoạch năm	Thực hiện			Giải ngân			Thuyết minh tiến độ dự án
		Từ đầu dự án đến hết năm trước	Từ đầu năm đến hết tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Từ đầu dự án đến hết năm trước	Từ đầu năm đến tháng trước	Ước giải ngân tháng báo cáo	
A	1	2	3	4	5	6	7	8
1 Dự án.....								
- Vốn NSNN tham gia vào dự án								
- Vốn BOT								
- Vốn của nhà đầu tư nước ngoài								
...								
2 Dự án								
- Vốn NSNN tham gia vào dự án								
- Vốn BOT								
- Vốn của nhà đầu tư nước ngoài								
....								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú: Ghi số kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao vốn đối với ngân sách nhà nước và kế hoạch giải ngân đối với vốn của nhà đầu tư khác

Biểu số 32-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Các BQL,DA, các đơn vị có dự án

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

Năm

Danh mục	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế (quy mô, chiều dài cầu, đường)	Thời gian khởi công và hoàn thành (theo hợp đồng và gia hạn)	Quyết định đầu tư		Dự toán		Kế hoạch năm	Thực hiện năm báo cáo	Giải ngân năm báo cáo	Khối lượng chủ yếu XDCB hoàn thành năm báo cáo (km đường, cầu)
				Số, ngày quyết định	Tổng mức đầu tư	Số, ngày quyết định	Dự toán				
A	B	C	D	E	G	H	I	1	2	3	4
1 Dự án.....											
- Vốn NSNN tham gia vào dự án											
- Vốn BOT											
- Vốn của nhà đầu tư nước ngoài											
...											
2 Dự án											
- Vốn NSNN tham gia vào dự án											
- Vốn BOT											
- Vốn của nhà đầu tư nước ngoài											
....											

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm

(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú: Ghi số kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao vốn đối với ngân sách nhà nước và kế hoạch giải ngân đối với vốn của nhà đầu tư khác

Biểu số 33-N

Ngày nhận báo cáo:

Ước 6 tháng: ngày 10 tháng 5

Ước năm: ngày 10 tháng 12

Chính thức năm: ngày 10 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Các BQLDA, các đơn vị có dự án

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU XÂY DỰNG CƠ BẢN HOÀN THÀNH

Quý....., năm.....

Nội dung	Đơn vị tính	Khối lượng dự án	Khối lượng hoàn thành từ đầu dự án đến hết năm trước			Khối lượng hoàn thành năm báo cáo		
			Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
				Làm mới	Cải tạo, nâng cấp		Làm mới	Cải tạo, nâng cấp
I. Công trình do Trung ương, Bộ GTVT giao cho đơn vị làm chủ đầu tư								
1. Nguồn ODA								
- Cầu cảng biển	m							
- Luồng hàng hải, nạo vét, đê kè..	km							
2. Nguồn NSNN								
- Cầu cảng biển	M							
- Luồng hàng hải, nạo vét, đê kè..	km							
3. Nguồn TPCP								
- Cầu cảng biển	M							
- Luồng hàng hải, nạo vét, đê kè..	km							
II. Công trình do địa phương quản lý								

Người lập báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm

(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú: Khối lượng chủ yếu xây dựng cơ bản hoàn thành bao gồm: các hạng mục chủ yếu của dự án đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện hoàn thành trong kỳ báo cáo (quý, năm).

Biểu số 34-N

Ngày nhận báo cáo:

Ước 6 tháng: ngày 10 tháng 5

Ước năm: ngày 10 tháng 12

Chính thức năm: ngày 10 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Các BQLDA, các đơn vị có dự án

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHỞI CÔNG, HOÀN THÀNH TRONG NĂM

Quý....., năm

STT	Danh mục công trình, dự án	Nhóm dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	TMĐT theo quyết định được duyệt (triệu đồng)	Giá trị quyết toán (triệu đồng)
A	B	C	D	1	2
I	Dự án khởi công trong năm				
1	- Dự án....				
2				
II	Dự án hoàn thành trong năm				
1	- Dự án....				
2				

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

a) Biểu này thống kê các công trình, dự án do Bộ GTVT quản lý

b) Đối với công trình khởi công trong năm: Ghi thời gian khởi công, hoàn thành theo quyết định đầu tư được phê duyệt hoặc gia hạn. Đối với công trình hoàn thành trong năm: ghi thời gian khởi công, hoàn thành thực tế.

c) Tổng mức đầu tư và giá trị quyết toán của dự án ghi theo quyết định được duyệt

PHỤ LỤC V

BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ PHÒNG CÔNG TRÌNH HÀNG HẢI

Biểu số 01-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng CTHH)

NĂNG LỰC THÔNG QUA CẢNG BIỂN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ

Có đến 31 tháng 12 năm ...

TT	Danh mục cảng	Địa điểm (Tỉnh/TP trực thuộc TW)	Năng lực hàng hóa thông qua cảng (tấn/năm)		Năng lực tăng thêm
			Năm trước	Năm báo cáo	
A	B	C	1	2	3=2-1
1	- Cảng ...				
2	- Cảng ...				
3	- Cảng ...				
	...				

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

a) Năng lực hàng hóa thông qua cảng năm trước được xác định bằng năng lực hàng hóa thông qua cảng tại hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình tại thời điểm vào ngày 31/12 năm trước.

b) Năng lực hàng hóa thông qua cảng năm báo cáo được xác định tại hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình tại thời điểm 31/12 năm báo cáo.

Biểu số 02-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng CTHH)

**NĂNG LỰC THÔNG QUA CẢNG BIỂN ĐỊA PHƯƠNG
VÀ DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ**

Có đến 31 tháng 12 năm ...

TT	Danh mục cảng	Địa điểm (Tỉnh/TP trực thuộc TW)	Năng lực hàng hóa thông qua cảng (tấn/năm)		Năng lực tăng thêm
			Năm trước	Năm báo cáo	
A	B	C	1	2	3=2-1
A	Cảng do địa phương quản lý				
1	- Cảng ...				
2	- Cảng ...				
3	- Cảng ...				
	...				
B	Cảng do doanh nghiệp quản lý (cảng chuyên dùng)				
1	- Cảng ...				
2	- Cảng ...				
3	- Cảng ...				
	...				

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

a) Năng lực hàng hóa thông qua cảng năm trước được xác định bằng năng lực hàng hóa thông qua cảng tại hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình tại thời điểm 31/12 năm trước.

b) Năng lực hàng hóa thông qua cảng năm báo cáo được xác định tại hồ sơ thiết kế, nghiệm thu công trình tại thời điểm 31/12 năm báo cáo

Biểu số 03-N
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:
Tổng công ty ĐBATHH, Đơn vị quản lý luồng
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục HHVN (Phòng CTHH)

THỐNG KÊ LUỒNG HÀNG HẢI
Năm.....

TT	Tên luồng	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Cao độ đáy (m- so với “O” Hải đồ)		Khối lượng nạo vét hàng năm (m ³)	Loại luồng (Công cộng/ chuyên dùng)	Đơn vị quản lý
				Theo Thiết kế	Theo Thông báo Hàng hải tại kỳ báo cáo			

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)



Biểu số 04-N

Ngày nhận báo cáo: Ngày 01 tháng 3 năm sau:

Đơn vị báo cáo: Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo: Cục HHVN (Phòng CTHH)

THÔNG KÊ BẾN CẢNG, CẦU CẢNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Cầu cảng Container	Cầu cảng tổng hợp (bách hoá)	Cầu cảng chuyên dùng hàng rời, quặng	Cầu cảng chuyên dùng xăng dầu, khí hoá lỏng	Cầu cảng chuyên dùng khác (dịch vụ, đóng, sửa chữa tàu...)	Cầu cảng hành khách	Tổng số	Ghi chú
1	Số lượng cầu cảng hiện có	Cầu								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
	Loại hình sở hữu khác									
2	Số lượng cầu cảng tăng thêm	Cầu								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
	Loại hình sở hữu khác									
3	Chiều dài cầu cảng hiện có	m								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
	Loại hình sở hữu khác									
4	Chiều dài cầu cảng tăng thêm	m								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
	Loại hình sở hữu khác									
5	Năng lực thông qua hiện có	T/năm								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
	Loại hình sở hữu khác									
6	Năng lực thông qua tăng thêm	T/năm								
	Loại hình sở hữu nhà nước									
	Loại hình sở hữu tư nhân									
	Loại hình sở hữu khác									
7	Số lượng thiết bị	Th/ bị								
	Loại hình sở hữu nhà nước (số lượng/sức nâng, sức chở)									
	Loại hình sở hữu tư nhân (số lượng/sức nâng, sức chở)									
	Loại hình sở hữu khác (số lượng/sức nâng, sức chở)									

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 05-N

Ngày nhận báo cáo: Ngày 01 tháng 3 năm sau:

Đơn vị báo cáo: Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo: Cục HHVN (Phòng CTHH)

THÔNG KÊ KHU NƯỚC, VÙNG NƯỚC

Năm.....

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Khu chuyển tải có phao neo	Khu chuyển tải không có phao neo	Khu neo đậu	Khu tránh báo	Tổng số	Ghi chú
1	Số lượng khu nước, vùng nước hiện có	Khu						
	Loại hình sở hữu nhà nước							
	Loại hình sở hữu tư nhân							
	Loại hình sở hữu khác							
2	Số lượng khu nước vùng nước tăng thêm	Khu						
	Loại hình sở hữu nhà nước							
	Loại hình sở hữu tư nhân							
	Loại hình sở hữu khác							

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 06-Q

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 10 tháng sau Quý báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Tổng Công ty BĐAT

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng KHĐT)

THÔNG KÊ VỀ HỆ THỐNG ĐÈN BIỂN VIỆT NAM

Quý.....

STT	Tên đèn biển (tiêu)	Chiều cao đèn		Tầm hiệu lực (Hải lý)		Trang bị đèn		Ghi chú
		Tháp đèn (m)	Tầm sáng (hải đồ)	Địa lý	Ánh sáng	Đèn chính	Đèn dự phòng	
1	Đèn loại 1							
1.1	...							
...	...							
2	Đèn loại 2							
1.1	...							
...	...							
3	Đèn loại 3							
1.1	...							

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 37-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng CTHH)

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP CẢNG BIỂN VIỆT NAM

Năm.....

S T T	Tên doanh nghiệp	Tên cảng biển	Địa chỉ/điện thoại	Bến cảng	Năng lực thông qua (1000TTQ)	Kho bãi		Cầu cảng		Phương tiện bốc xếp					
						Số lượng (Chiếc)	Diện tích (m ²)	Số lượng (Chiếc)	Chiều dài (m)	Cần cẩu		Xe nâng, hạ, kéo, chuyên dụng		Băng chuyền	
										Loại chuyên dụng (chiếc)	Loại không chuyên dụng (chiếc)	Số lượng (chiếc)	Sức nâng (Tấn)	Số lượng (chiếc)	Chiều dài (m)

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm.....
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)



PHỤ LỤC VI

BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ PHÒNG ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN THUYỀN VIÊN

Biểu số 24-Q

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 10 tháng sau Quý báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng ĐKTBT)

THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG THUYỀN VIÊN, HOA TIÊU VIỆT NAM Quý

I. THUYỀN VIÊN

STT	CHỨC DANH	HẠNG			TỔNG SỐ
		HẠNG NHẤT trên 3000 GT; trên 3000 KW	HẠNG HAI 500-3000 GT; 750-3000 KW	HẠNG BA dưới 500 GT; dưới 750 KW	
1	Thuyền trưởng				
2	Đại phó				
3	Sỹ quan boong				
4	Thủy thủ trực ca				
5	Máy trưởng				
6	Máy hai				
7	Sỹ quan máy				
8	Thợ máy trực ca				
9	Sỹ quan kỹ thuật điện				
10	Thợ kỹ thuật điện				
		Tổng số			

II. HOA TIÊU

STT	NGOẠI HẠNG	HẠNG 1	HẠNG 2	HẠNG 3	TỔNG SỐ

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Biểu số 25-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực

Đơn vị nhân báo cáo:

Cục HHVN (Phòng ĐKTBT)

SỐ LƯỢNG TÀU BIỂN HIỆN ĐANG LƯU HÀNH

Có đến 31 tháng 12 năm ...

Tên chỉ tiêu	Số lượng (chiếc)		Tổng trọng tải (tấn)	
	Năm trước	Năm báo cáo	Năm trước	Năm báo cáo
A	1	2	3	4
A. PHƯƠNG TIỆN ĐƯỜNG BIỂN				
I. Số lượng tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam				
<i>a. Tàu chở khách</i>				
- Tàu, thuyền, ca nô chở khách				
- Phà máy chở khách				
- Các phương tiện có động cơ khác chở khách bằng đường biển (ghi rõ				
<i>b. Tàu hàng</i>				
- Tàu hàng tổng hợp				
- Tàu hàng rời				
- Tàu container				
- Tàu dầu, hoá chất				
- Tàu khí hóa lỏng				
- Tàu dịch vụ				
- Tàu công vụ				
- Tàu khác (ghi rõ				
II. Số lượng tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam của chủ sở hữu nước ngoài				
<i>a. Tàu chở khách</i>				
- Tàu, thuyền, ca nô chở khách				
- Phà máy chở khách				
- Các phương tiện có động cơ khác chở khách				

băng đường biển (ghi rõ				
<i>b. Tàu hàng</i>				
- Tàu hàng tổng hợp				
- Tàu hàng rời				
- Tàu container				
- Tàu dầu, hoá chất				
- Tàu khí hóa lỏng				
- Tàu dịch vụ				
- Tàu công vụ				
- Tàu khác (ghi rõ				

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

10
NG

Biểu số 36-N:

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo

Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng ĐKTBT)

DANH SÁCH DOANH NGHIỆP, HỢP TÁC XÃ VẬN TẢI BIỂN

Năm

STT	Loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã	Tên chủ tàu	Địa chỉ/điện thoại	Phân loại tàu theo GT	Tàu công-te-nơ	Tàu hàng tổng hợp (bách hóa)	Tàu hàng rời, quặng	Tàu dầu, khí hóa lỏng	Tàu khách	Tàu khác	Tổng số
1	Nhà nước			Dưới 500							
				Từ 500 – dưới 3000							
				Từ 3000 trở lên							
2	Tư nhân			Dưới 500							
				Từ 500 – dưới 3000							
				Từ 3000 trở lên							
3	Hợp tác xã			Dưới 500							
				Từ 500 – dưới 3000							
				Từ 3000 trở lên							
4	Công ty cổ phần			Dưới 500							
				Từ 500 – dưới 3000							
				Từ 3000 trở lên							
5	Công ty TNHH			Dưới 500							
				Từ 500 – dưới 3000							
				Từ 3000 trở lên							
6	Công ty Hợp danh			Dưới 500							
				Từ 500 – dưới 3000							
				Từ 3000 trở lên							
7	Công ty Liên doanh			Dưới 500							
				Từ 500 – dưới 3000							
				Từ 3000 trở lên							

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC VII

BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ PHÒNG AN TOÀN AN NINH HÀNG HẢI

Biểu số 23-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng ANANHH)

SỐ VỤ TAI TAI NẠN HÀNG HẢI, SỐ NGƯỜI CHẾT, BỊ THƯƠNG

6 tháng, 01 năm

Phân loại tai nạn	Số vụ tai nạn				Số người chết	Số người mất tích	Số người bị thương	Tồn thất vật chất
	Đặc biệt nghiêm trọng	Nghiêm trọng	Ít nghiêm trọng	Cộng				
1	2	3	4	5	6	7	8	
Tổng số								
I Trong đó chia ra								
- Tàu trong nước								a) Phương tiện, công trình GTVT
- Tàu nước ngoài								
II Trong đó chia ra								
- Mất tích								b) Hàng hoá
- Đâm va								
- Va chạm								
- Mắc cạn								
- Cháy								c) Chi phí sửa chữa
- Nổ								
- Thủng vỏ								
- Tràn dầu								d) Môi trường
- Lật tàu								
- Chìm đắm								
- Tai nạn khác								

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

.... ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

PHỤ LỤC VIII

BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ PHÒNG TÀI CHÍNH

Biểu số 18-T

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 05 hàng tháng

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải, VP Cục, các chi cục

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng Tài chính)

THU PHÍ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Tháng ...

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Kế hoạch năm	Thực hiện tháng trước	Ước thực hiện tháng báo cáo	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo	So với cùng kỳ (%)	
					Tháng báo cáo năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng báo cáo năm trước
A	1	2	3	4	5	6
Tổng trị giá						
A. Chia theo loại dịch vụ						
1. Thu dịch vụ bảo đảm hàng hải						
2. Thu dịch vụ cảng biển						

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

Chi tiêu *Thu dịch vụ cảng biển* chỉ tổng hợp đối với các doanh nghiệp cảng do Bộ GTVT (Cục Hàng hải Việt Nam) quản lý.

Biểu số 19-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải, VP Cục, các chi cục

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng Tài chính)

THU PHÍ DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Năm ...

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Kế hoạch. Năm	Thực hiện năm	So với năm trước (%)
A	1	2	3
Tổng trị giá			
Chia theo loại dịch vụ			
1. Thu dịch vụ bảo đảm hàng hải			
2. Thu dịch vụ cảng biển			

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

Chỉ tiêu *Thu dịch vụ cảng biển* chỉ tổng hợp đối với các doanh nghiệp cảng do Bộ GTVT (Cục Hàng hải Việt Nam) quản lý.

Biểu số 20-Q

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 15 tháng cuối quý

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải, VP cục, các chi cục

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng Tài chính)

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU DỊCH VỤ HÀNG HẢI
Quý ...

Đơn vị tính: USD

	Kế hoạch năm	Thực hiện quý trước	Ước thực hiện quý báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến hết quý báo cáo	Thực hiện so với cùng kỳ (%)	
					Quý báo cáo năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý báo cáo năm trước
A	1	2	3	4	5	6
Tổng trị giá						
A. Chia theo loại dịch vụ						
1. Thu dịch vụ bảo đảm hàng hải						
2. Thu dịch vụ cảng biển						

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)..., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chi tiêu *Thu dịch vụ cảng biển* chỉ tổng hợp đối với các doanh nghiệp cảng do Bộ GTVT (Cục Hàng hải Việt Nam) quản lý.
- Thời điểm thống kê: là thời điểm dịch vụ được cung cấp cho tàu Việt Nam, tàu nước ngoài.
- Trị giá xuất khẩu được xác định theo giá thực tế theo các quy định của pháp luật, không tính các giao dịch bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ, trong đó hàng hóa chiếm tỷ trọng chủ yếu.
- Trị giá xuất khẩu là tổng số tiền đã và sẽ thu của các tàu mang cờ quốc tịch nước ngoài về dịch vụ hàng hải và dịch vụ cảng biển.
- Nước đối tác: là vùng nước/vùng lãnh thổ mà tàu nước ngoài mang cờ quốc tịch.

Biểu số 21-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Cảng vụ hàng hải, VP cục, các chi cục

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng Tài chính)

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU DỊCH VỤ HÀNG HẢI

Năm ...

Đơn vị tính: USD

	Kế hoạch năm	Thực hiện năm	So với năm trước (%)
A	1	2	3
Tổng trị giá			
A. Chia theo loại dịch vụ			
1. Thu dịch vụ bảo đảm hàng hải			
(Chia theo nước đối tác)			
....			
2. Thu dịch vụ cảng biển			
(Chia theo nước đối tác)			
....			

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

...., ngày tháng năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Chi tiêu *Thu dịch vụ cảng biển* chỉ tổng hợp đối với các doanh nghiệp cảng do Bộ GTVT (Cục Hàng hải Việt Nam) quản lý.
- Thời điểm thống kê: là thời điểm dịch vụ được cung cấp cho tàu Việt Nam, tàu nước ngoài.
- Trị giá xuất khẩu được xác định theo giá thực tế theo các quy định của pháp luật, không tính các giao dịch bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ, trong đó hàng hóa chiếm tỷ trọng chủ yếu.
- Trị giá xuất khẩu là tổng số tiền đã và sẽ thu của các tàu mang cờ quốc tịch nước ngoài về dịch vụ hàng hải và dịch vụ cảng biển.
- Nước đối tác: là vùng nước/vùng lãnh thổ mà tàu nước ngoài mang cờ quốc tịch.

PHỤ LỤC IX

BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ

Biểu số 39-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Các Trường, cơ quan đơn vị liên quan

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng TCCB)

DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỌC, TRUNG TÂM, CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Năm.....

STT	Tên trường, cơ sở đào tạo	Loại hình trường	Loại hình sở hữu	Địa chỉ/điện thoại	Hình thức đào tạo (đơn vị người)					Ghi chú
					Trên đại học	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Nghề	

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
(Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

Loại hình trường: Đại học, cao đẳng, trung cấp...

Loại hình sở hữu: Nhà nước, Tư thực.....

Hình thức đào tạo: Ghi số lượng người tốt nghiệp trong năm báo cáo tương ứng với mỗi hình thức đào tạo

Biểu số 41-N
 Ngày nhận báo cáo:
 Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:
 Các đơn vị trực thuộc
Đơn vị nhân báo cáo:
 Cục HHVN (Phòng TCCB)

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
 Năm.....

Số thứ tự	Tên đơn vị	Tổng số biên chế được giao	Tổng số công chức hiện có	Trong đó							Chia theo ngành công chức											Trình độ đào tạo chia theo											Chia theo độ tuổi							
				Nữ	Đảng viên	Dân tộc thiểu số	Tôn giáo	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Cán sự và tương đương	Nhân viên	Chuyên môn						Chính trị				Tin học		Ngoại ngữ			Quản lý nhà nước			Từ 51 đến 60									
													Tiến sỹ	Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Cử nhân	Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ	Đại học trở lên	Tiếng Anh		Đại học trở lên	Chứng chỉ (A,B,C)	Chứng chỉ tiếng dân tộc	Chuyên viên cao cấp và tương đương	Chuyên viên chính và tương đương	Chuyên viên và tương đương	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Tổng số	Nữ từ 51 đến 55	Nam từ 56 đến 60	Trên tuổi nghỉ hưu
																										Khác	Khác													
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	
Công Chức																																								
Công chức Thanh tra																																								
Viên chức, người lao động																																								

Người lập báo cáo
 (Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày ... tháng ... năm
 (Thủ trưởng đơn vị ký, đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột 24: Ghi những người có trình độ Tiếng Anh bậc Đại học, trên ĐH ở nước ngoài bằng Tiếng Anh hoặc có bằng ĐH trên ĐH học ở VN bằng Tiếng Anh
- Việc xác định đối tượng là công chức trong các đơn vị sự nghiệp, đề nghị căn cứ Khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 quy định những người là công chức

Biểu số 42-N

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 01 tháng 3 năm sau

Đơn vị báo cáo:

Các đơn vị trực thuộc

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục HHVN (Phòng TCCB)

BÁO CÁO DANH SÁCH VÀ TIỀN LƯƠNG CÔNG CHỨC

Năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan, đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Phụ cấp					Ghi chú
		Nam	Nữ				Hệ số lương	ã số ngạch hiện giữ	Chức vụ	Trách nhiệm	Khu vực	Phụ cấp vượt khung	Tổng phụ cấp theo phần trăm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

Người lập báo cáo
tháng ... năm
(Ký, ghi rõ họ tên)

vị ký, đóng dấu)

..., ngày ...

(Thủ trưởng đơn



Ghi chú:

- a) Cột 14: Tổng phụ cấp theo phần trăm là tổng các khoản phụ cấp của cột 10, 11, 12 và 13.
- b) Việc xác định đối tượng là công chức trong các đơn vị sự nghiệp, đề nghị căn cứ Khoản 3, 4 Điều 11 Nghị định số 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 quy định những người là công chức.